



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011**

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập 2405/QĐ-CT.UB ngày 5 tháng 8 năm 2004

Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng Ký Kinh doanh 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1800156801 được cấp ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Hội đồng Quản trị	Bà Phạm Thị Việt Nga	Chủ tịch
	Bà Lê Minh Hồng	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Chánh Đạo	Thành viên
	Ông Đoàn Đình Duy Khương	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên
	Ông Nguyễn Như Song	Thành viên
	Ông Lê Đình Bửu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Sĩ Trung Kỳ	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc	Bà Phạm Thị Việt Nga	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Chánh Đạo	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Ánh Như	Chủ tịch
	Ông Trần Quốc Hưng	Thành viên
	Ông Đàm Mạnh Cường	Thành viên

Trụ sở đăng ký 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2011. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – *Công tác soát xét Báo cáo Tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Dựa trên công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 11-01-203



Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2011

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.644.587.978.922	1.442.034.118.769
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	653.365.374.413	642.519.118.992
Tiền	111		294.254.495.562	286.505.741.815
Các khoản tương đương tiền	112		359.110.878.851	356.013.377.177
Các khoản phải thu	130	4	457.316.388.823	446.197.923.622
Phải thu thương mại	131		286.359.478.545	306.719.736.511
Trả trước cho người bán	132		80.074.336.796	28.193.510.841
Các khoản phải thu khác	135		94.669.820.953	117.510.052.422
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(3.787.247.471)	(6.225.376.152)
Hàng tồn kho	140	5	519.652.806.122	347.099.608.749
Hàng tồn kho	141		524.187.575.428	350.125.465.504
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.534.769.306)	(3.025.856.755)
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.253.409.564	6.217.467.406
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.322.997.583	1.283.164.897
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.381.007.443	408.648
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		855.505.401	439.785.275
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.693.899.137	4.494.108.586
Tài sản dài hạn	200		441.277.601.035	377.700.975.901
Tài sản cố định	220		385.657.766.348	303.438.987.167
Tài sản cố định hữu hình	221	6	234.217.932.618	167.840.794.676
Nguyên giá	222		396.185.036.183	310.198.804.023
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(161.967.103.565)	(142.358.009.347)
Tài sản cố định vô hình	227	7	143.409.419.295	127.878.195.760
Nguyên giá	228		148.166.738.780	131.894.976.812
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.757.319.485)	(4.016.781.052)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	8.030.414.435	7.719.996.731
Bất động sản đầu tư	240	9	-	6.456.882.120
Nguyên giá	241		-	7.784.646.717
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(1.327.764.597)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	27.275.422.110	39.979.249.420
Đầu tư vào công ty liên kết	252		19.888.253.359	32.592.080.669
Đầu tư dài hạn khác	258		11.901.050.200	11.901.050.200
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(4.513.881.449)	(4.513.881.449)
Tài sản dài hạn khác	260		28.344.412.577	27.825.857.194
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	22.256.114.608	22.430.416.454
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	28	3.886.656.630	3.785.465.288
Tài sản dài hạn khác	268		2.201.641.339	1.609.975.452
TỔNG TÀI SẢN	270		2.085.865.579.957	1.819.735.094.670

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		837.645.452.523	530.696.724.099
Nợ ngắn hạn	310		777.550.906.442	471.555.878.347
Vay ngắn hạn	311	12	16.194.181.311	12.802.412.973
Phải trả thương mại	312	13	147.601.239.286	86.290.700.781
Người mua trả tiền trước	313		523.748.090	1.413.080.380
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	23.875.693.458	40.019.223.841
Phải trả người lao động	315		72.927.351.077	100.633.206.342
Chi phí phải trả	316	15	211.369.257.997	168.781.105.434
Các khoản phải trả khác	319	16	236.142.370.978	32.127.453.214
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	17	68.917.064.245	29.488.695.382
Nợ dài hạn	330		60.094.546.081	59.140.845.752
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	22.853.202.532	21.163.637.977
Doanh thu chưa thực hiện	338		119.417.273	119.417.273
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	19	37.121.926.276	37.857.790.502
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.239.632.640.711	1.280.322.125.140
Vốn chủ sở hữu	410		1.239.632.640.711	1.280.322.125.140
Vốn cổ phần	411	20	271.629.620.000	269.129.620.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		378.761.392.824	378.761.392.824
Cổ phiếu quỹ	414	20	(455.850.000)	(455.850.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		287.755.832.659	204.329.442.743
Quỹ dự phòng tài chính	418		66.541.621.663	64.215.412.933
Lợi nhuận chưa phân phối	420		235.400.023.565	364.342.106.640
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	21	8.587.486.723	8.716.245.431
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.085.865.579.957	1.819.735.094.670

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 31 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã	Thuyết	Từ 1/1/2011	Từ 1/1/2010
	số	minh	đến 30/6/2011	đến 30/6/2010
			VNĐ	VNĐ
Tổng doanh thu	01	22	1.167.154.554.445	865.693.374.580
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	(6.832.112.487)	(10.877.929.220)
Doanh thu thuần	10		1.160.322.441.958	854.815.445.360
Giá vốn hàng bán	11	23	(600.510.905.267)	(435.988.822.375)
Lợi nhuận gộp	20		559.811.536.691	418.826.622.985
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	27.374.646.467	20.301.850.870
Chi phí tài chính	22	25	(3.062.915.164)	(1.726.568.293)
Chi phí bán hàng	24		(266.529.067.609)	(182.152.408.240)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(77.067.794.020)	(62.795.593.137)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		240.526.406.365	192.453.904.185
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	26	2.268.906.610	2.237.273.344
Chi phí khác	32	27	(2.678.562.992)	(2.259.479.995)
Lỗ từ công ty liên kết	40		(600.000.000)	(2.668.394.601)
Lợi nhuận trước thuế	50		239.516.749.983	189.763.302.933
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	28	(30.258.704.701)	(22.576.129.282)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52	28	101.191.342	(4.580.951)
Lợi nhuận thuần	60		209.359.236.624	167.182.592.700

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã	Thuyết	Từ 1/1/2011	Từ 1/1/2010
	số	minh	đến 30/6/2011	đến 30/6/2010
			VND	VND
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	21	911.685.086	1.428.624.680
Chủ sở hữu của Công ty	62		208.447.551.538	165.753.968.020
Lợi nhuận thuần	60		209.359.236.624	167.182.592.700
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	7.712	6.219

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
 Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
 Phó Tổng Giám đốc

ngày 31 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	266.629.620.000	378.761.392.824	(410.400.000)	4.658.004.486	29.744.900.881	330.992.386.888	1.010.375.905.079
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(97.650.000)	-	-	-	(97.650.000)
Cổ phiếu quỹ tái phát hành	-	-	91.350.000	-	-	-	91.350.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	165.753.968.020	165.753.968.020
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	199.671.438.257	34.470.512.052	(234.141.950.309)	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(39.977.508.009)	(39.977.508.000)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(35.018.979.704)	(35.018.979.713)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(11.771.257.904)	(11.771.257.904)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2010	266.629.620.000	378.761.392.824	(416.700.000)	204.329.442.743	64.215.412.933	175.836.658.982	1.089.355.827.482
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000	-	-	-	-	-	2.500.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(39.150.000)	-	-	-	(39.150.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	215.408.279.649	215.408.279.649
Cổ tức (thuyết minh 30)	-	-	-	-	-	(26.902.831.991)	(26.902.831.991)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	204.329.442.743	64.215.412.933	364.342.106.640	1.280.322.125.140

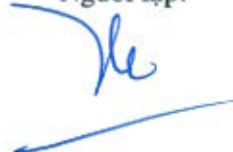
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	204.329.442.743	64.215.412.933	364.342.106.640	1.280.322.125.140
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000	-	-	-	-	-	2.500.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	208.447.551.538	208.447.551.538
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	83.426.389.916	2.326.208.730	(85.752.598.646)	-
Cổ tức (thuyết minh 30)	-	-	-	-	-	(195.500.390.400)	(195.500.390.400)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(45.937.137.077)	(45.937.137.077)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(10.199.508.490)	(10.199.508.490)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	271.629.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	287.755.832.659	66.541.621.663	235.400.023.565	1.239.632.640.711

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 31 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		239.516.749.983	189.763.302.933
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		23.231.336.590	19.210.384.673
Các khoản dự phòng	03		(929.216.130)	(582.834.197)
Lãi thanh lý tài sản cố định	04		(270.090.162)	(547.096.496)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(23.432.610.864)	(18.380.689.478)
Chi phí lãi vay	06		887.149.880	1.035.496.985
Lãi thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	07		(1.546.692.690)	-
Lỗ từ công ty liên kết	08		600.000.000	2.668.394.601
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	09		238.056.626.607	193.166.959.021
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	10		33.180.690.811	(34.926.207.419)
Biến động hàng tồn kho	11		(174.062.109.924)	(81.865.809.710)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	12		71.572.494.489	(20.507.029.724)
Biến động chi phí trả trước	13		(2.039.832.686)	(3.029.723.887)
			166.707.869.297	52.838.188.281
Tiền lãi vay đã trả	14		(965.125.028)	(1.432.032.958)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.059.834.352)	(30.775.090.763)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(17.749.584.724)	(4.330.071.245)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		115.933.325.193	16.300.993.315

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(152.038.140.203)	(40.823.772.246)
Tiền thu từ điều chỉnh giá mua quyền sử dụng đất	22		-	5.364.173.499
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	23		1.016.806.718	1.422.902.978
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	24		(188.537.465)	(6.704.443.165)
Tiền cho vay thu về từ các đơn vị khác	25		5.757.070.522	-
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn			-	6.037.166.667
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	26		-	(13.615.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	27		10.725.199.734	157.550.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	28		24.483.762.584	21.408.897.600
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(110.243.838.110)	(26.752.524.667)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		2.500.000.000	91.350.000
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(97.650.000)
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		14.679.154.864	23.106.560.177
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.287.386.526)	(76.742.422.035)
Tiền trả cổ tức	36		-	(39.977.176.046)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	36		(735.000.000)	-
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động tài chính	40		5.156.768.338	(93.619.337.904)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.846.255.421	(104.070.869.256)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		642.519.118.992	584.128.534.956
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3	653.365.374.413	480.057.665.700

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	2.774.800.266	-

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 31 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 15 tháng 9 năm 2004. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con được thành lập tại Việt Nam như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/6/2011	31/12/2010
Công ty con				
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	Nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu; sản xuất, kinh doanh hóa dược; sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng	Số 1800723433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6104000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 4 năm 2008	100%	100%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/6/2011	31/12/2010
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; in xuất bản ấn phẩm	Số 5704000183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 29 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6403000044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1601171629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5904000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1200975943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bali	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1900455594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 29 tháng 3 năm 2011	100%	-
Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 642041000005 do Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp ngày 16 tháng 8 năm 2010	100%	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tập đoàn có 2.608 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.428 nhân viên).

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các yêu cầu pháp lý liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lãi chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(iv) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phản ánh giá trị đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản của các công ty con và các công ty liên kết tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 5 năm.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

(c) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Việc áp dụng Thông tư 210 này không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đánh giá hay trình bày các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty. Các báo cáo tài chính được thuyết minh theo Thông tư 210 không yêu cầu thuyết minh số liệu so sánh do việc áp dụng phi hồi tố.

(e) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("CMKT 10") – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(g) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư có kỳ hạn và các công cụ nợ, các khoản đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu; được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(i) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 18 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 13 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 13 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(k) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Nâng cấp tài sản thuê

Nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 39 đến 41 năm.

(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(r) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Phân bổ được trích lập mỗi năm cho các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(s) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá vào nguyên giá của tài sản có liên quan.

(v) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

(w) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	34.396.391.329	39.653.513.720
Tiền gửi ngân hàng	259.390.187.368	246.852.228.095
Tiền đang chuyển	467.916.865	-
Các khoản tương đương tiền	359.110.878.851	356.013.377.177
	653.365.374.413	642.519.118.992

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 có số ngoại tệ tương đương 13.696 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 5.067 triệu VNĐ).

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại bao gồm:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Phải thu từ các công ty liên kết	356.765.200	736.208.259
Phải thu từ các bên thứ ba	286.002.713.345	305.983.528.252
	286.359.478.545	306.719.736.511

Các khoản phải thu thương mại không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 là khoản trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí hoa hồng trả trước	75.435.257.836	77.087.927.595
Thu nhập tiền lãi phải thu	191.666.667	1.092.298.387
Các khoản cho vay (*)	1.512.517.969	7.081.051.026
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	2.774.800.266	-
Phải thu từ công nhân viên	1.973.054.322	12.499.149.208
Phải thu từ việc hủy hợp đồng thuê đất	6.000.000.000	13.848.944.240
Phải thu khác	6.782.523.893	5.900.681.966
	94.669.820.953	117.510.052.422

(*) Khoản này phản ánh khoản cho các công ty liên kết và các bệnh viện vay với kỳ hạn dưới một năm, không được đảm bảo và được hưởng lãi suất năm từ 10,5% đến 13% (2010: 0,7% đến 12%) trong kỳ.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Số dư đầu kỳ	6.225.376.152	3.437.575.954
Tăng dự phòng trong kỳ	270.564.932	1.296.022.514
Hoàn nhập	(2.708.693.613)	-
	3.787.247.471	4.733.598.468

Số dư của các khoản phải thu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu này.

Tình trạng rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu bị ảnh hưởng bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản phải thu tối đa khách hàng có thể có mà không cần sự chấp thuận của Ban Tổng Giám đốc. Hạn mức tín dụng này được xem xét lại từng năm. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày trên hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 30 ngày sẽ được yêu cầu thanh toán trước khi được phép mua thêm. Tập đoàn không nhận tài sản thế chấp từ khách hàng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)**

Dựa trên các tỷ lệ nợ xấu trước đây, Tập đoàn tin rằng, ngoài khoản dự phòng phải thu khó đòi đã lập, không cần lập bổ sung dự phòng cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2011. Dưới đây là bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu không cần lập dự phòng:

	30/06/2011 VNĐ
Chưa quá hạn	296.736.986.829
Quá hạn từ 0 đến 30 ngày	45.297.873.311
Quá hạn từ 31 đến 180 ngày	35.207.191.887
	377.242.052.027

5. Hàng tồn kho

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	101.338.679.078	50.952.551.152
Nguyên vật liệu	159.288.055.636	130.967.195.036
Sản phẩm dở dang	42.454.656.563	39.156.811.367
Thành phẩm	198.820.103.541	101.410.778.366
Hàng hóa	20.972.072.517	24.076.160.744
Hàng gửi đi bán	1.314.008.093	3.561.968.839
	524.187.575.428	350.125.465.504
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.534.769.306)	(3.025.856.755)
	519.652.806.122	347.099.608.749

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ	3.025.856.755	4.844.824.822
Tăng dự phòng trong kỳ	1.508.912.551	-
Hoàn nhập	-	(1.878.856.711)
Số dư cuối kỳ	4.534.769.306	2.965.968.111

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	72.184.355.852	133.385.719.347	63.068.489.172	41.560.239.652	310.198.804.023
Tăng trong kỳ	4.958.777.010	12.994.471.436	4.604.584.308	4.578.469.927	27.136.302.681
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	20.789.501.564	20.883.313.978	10.028.300.617	3.510.116.099	55.211.232.258
Chuyển từ bất động sản đầu tư	7.784.646.717	-	-	-	7.784.646.717
Thanh lý	-	(1.210.082.622)	(2.233.738.711)	(556.432.821)	(4.000.254.154)
Xóa sổ	(94.652.940)	-	(21.579.545)	(29.462.857)	(145.695.342)
Số dư cuối kỳ	105.622.628.203	166.053.422.139	75.446.055.841	49.062.930.000	396.185.036.183
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	19.033.555.433	75.249.594.229	23.077.226.666	24.997.633.019	142.358.009.347
Khấu hao trong kỳ	3.338.158.401	10.078.427.474	5.426.951.863	2.837.024.823	21.680.562.561
Chuyển từ bất động sản đầu tư	1.327.764.597	-	-	-	1.327.764.597
Thanh lý	-	(1.191.490.832)	(1.520.119.681)	(545.523.730)	(3.257.134.243)
Xóa sổ	(94.652.940)	-	(17.982.900)	(29.462.857)	(142.098.697)
Số dư cuối kỳ	23.604.825.491	84.136.530.871	26.966.075.948	27.259.671.255	161.967.103.565
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	53.150.800.419	58.136.125.118	39.991.262.506	16.562.606.633	167.840.794.676
Số dư cuối kỳ	82.017.802.712	81.916.891.268	48.479.979.893	21.803.258.745	234.217.932.618

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 42.962 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 38.370 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VNĐ	Quyền sử dụng đất có thời hạn VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	78.385.513.595	50.054.670.807	3.454.792.410	131.894.976.812
Tăng trong kỳ	13.731.520.000	-	-	13.731.520.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.540.241.968	-	2.540.241.968
Số dư cuối kỳ	92.117.033.595	52.594.912.775	3.454.792.410	148.166.738.780
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	2.924.199.102	1.092.581.950	4.016.781.052
Khấu hao trong kỳ	-	545.737.999	194.800.434	740.538.433
Số dư cuối kỳ	-	3.469.937.101	1.287.382.384	4.757.319.485
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	78.385.513.595	47.130.471.705	2.362.210.460	127.878.195.760
Số dư cuối kỳ	92.117.033.595	49.124.975.674	2.167.410.026	143.409.419.295

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ	7.719.996.731	5.262.347.125
Tăng trong kỳ	58.230.807.080	15.488.220.048
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(55.211.232.258)	(17.074.043.720)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.540.241.968)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(168.915.150)	-
Số dư cuối kỳ	8.030.414.435	3.676.523.453

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	7.784.646.717
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.784.646.717)
Số dư cuối kỳ	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.327.764.597
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.327.764.597)
Số dư cuối kỳ	-
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	6.456.882.120
Số dư cuối kỳ	-

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	3.988.253.359	4.138.773.359
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm nang mềm DHG	-	11.953.307.310
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	15.900.000.000	16.500.000.000
	19.888.253.359	32.592.080.669
Đầu tư dài hạn khác		
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương	4.286.800.000	4.286.800.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Nghệ An	3.922.880.000	3.922.880.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
▪ Công ty Cổ phần Dược - Mỹ phẩm và Thương mại Bà Rịa - Vũng Tàu	70.000.000	70.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
	11.901.050.200	11.901.050.200

Biến động đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Số dư đầu kỳ	32.592.080.669	23.868.187.384
Đầu tư mới trong kỳ	-	13.615.000.000
Thanh lý đầu tư trong kỳ	(11.953.307.310)	(157.550.000)
Lỗ thuần từ công ty liên kết	(600.000.000)	(2.668.394.601)
Cổ tức	(150.520.000)	(300.000.000)
	19.888.253.359	34.357.242.783

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/6/2011	31/12/2010
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Sản xuất và kinh doanh Tảo Spirulina	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 2 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh	Số 4603000373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007	20%	20%

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Năng cấp tài sản thuê VND	Chi phí đất trả trước VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.247.686.519	20.182.729.935	22.430.416.454
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	168.915.150	-	168.915.150
Tăng trong kỳ	467.018.600	-	467.018.600
Phân bổ trong kỳ	(549.981.812)	(260.253.784)	(810.235.596)
Số dư cuối kỳ	2.333.638.457	19.922.476.151	22.256.114.608

12. Vay ngắn hạn

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Khoản vay từ nhân viên của Công ty	16.194.181.311	12.802.412.973

Các khoản vay này không được bảo đảm và chịu lãi suất tháng dao động từ 1,10% đến 1,15% cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: từ 0,55% đến 0,6% một tháng).

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

13. Phải trả thương mại

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Phải trả các công ty liên kết	2.073.460.350	2.682.823.414
Phải trả các bên thứ ba	145.527.778.936	83.607.877.367
	147.601.239.286	86.290.700.781

Các khoản phải trả không có đảm bảo, không chịu lãi và được trả khi có yêu cầu.

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	1.283.686.506	2.808.815.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.844.593.181	18.975.047.473
Thuế thu nhập cá nhân	4.636.243.778	18.212.761.047
Các loại thuế khác	1.111.169.993	22.599.873
	23.875.693.458	40.019.223.841

15. Chi phí phải trả

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Giảm giá hàng bán	100.789.206.215	90.204.223.053
Chi phí khuyến mại	49.614.906.769	48.374.527.539
Chi phí hội thảo	34.915.431.458	16.328.505.475
Chi phí quảng cáo	7.605.734.343	3.406.570.664
Lãi vay phải trả	244.261.401	322.236.549
Các chi phí phải trả khác	18.199.717.811	10.145.042.154
	211.369.257.997	168.781.105.434

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

16. Các khoản phải trả khác

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phí công đoàn	1.764.671.081	1.614.892.178
Hoa hồng phải trả	32.760.073.616	23.743.325.216
Cổ tức phải trả	195.500.390.400	-
Phải trả khác	6.117.235.881	6.769.235.820
	236.142.370.978	32.127.453.214

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng việc phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo quyết định của các cổ đông trong cuộc họp đại hội cổ đông thường niên của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	25.010.163.988	4.478.531.394	29.488.695.382
Phân bổ cho quỹ	46.154.435.743	10.287.653.618	56.442.089.361
Sử dụng quỹ	(13.980.077.625)	(3.033.642.873)	(17.013.720.498)
Số dư cuối kỳ	57.184.522.106	11.732.542.139	68.917.064.245

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu kỳ	21.163.637.977
Trích lập dự phòng trong kỳ	3.944.038.155
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(2.254.473.600)
Số dư cuối kỳ	22.853.202.532

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập dựa trên số năm làm việc và mức lương hiện tại của nhân viên đó.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tập đoàn đã đóng 833 triệu VNĐ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: 306 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Dự phòng được tính là chi phí. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	VNĐ
Số dư đầu kỳ	37.857.790.502
Sử dụng quỹ trong kỳ	(735.864.226)
Số dư cuối kỳ	37.121.926.276

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	27.162.962	271.629.620.000	26.912.962	269.129.620.000
Cổ phiếu quỹ	(10.130)	(455.850.000)	(10.130)	(455.850.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	27.152.832	271.173.770.000	26.902.832	268.673.770.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011		Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	26.902.832	268.673.770.000	26.653.842	266.219.220.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	250.000	2.500.000.000	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(2.170)	(97.650.000)
Cổ phiếu quỹ phát hành lại	-	-	2.030	91.350.000
Số dư cuối kỳ	27.152.832	271.173.770.000	26.653.702	266.212.920.000

Vào tháng 7 năm 2011, Công ty đã phát hành 38.013.964 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu của Công ty trên cơ sở 1,4 cổ phiếu thưởng cho 1 cổ phiếu hiện có theo Nghị quyết của đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 29 tháng 4 năm 2011.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

21. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ	8.716.245.431	7.780.847.035
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số trong kỳ	911.685.086	1.428.624.680
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho cổ đông thiểu số	(217.298.666)	(790.438.688)
Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị tính cho cổ đông thiểu số	(88.145.128)	(447.149.578)
Cổ tức	(735.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	8.587.486.723	7.971.883.449

22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	1.089.411.809.140	747.787.018.060
▪ Hàng hóa đã bán	43.017.000.159	89.402.814.641
▪ Cung cấp dịch vụ	4.219.260.738	553.636.971
▪ Hàng khuyến mại	30.506.484.408	27.949.904.908
	1.167.154.554.445	865.693.374.580
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	(73.071.128)	(14.571.533)
▪ Hàng bán bị trả lại	(6.759.041.359)	(10.863.357.687)
	(6.832.112.487)	(10.877.929.220)
Doanh thu thuần	1.160.322.441.958	854.815.445.360

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

23. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Thành phẩm đã bán	519.140.396.315	351.694.531.546
Hàng hóa đã bán	37.575.510.825	44.279.411.082
Chi phí dịch vụ	8.182.295.046	7.152.820.062
Hàng khuyến mãi	34.103.790.530	32.862.059.685
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.508.912.551	-
	600.510.905.267	435.988.822.375

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	23.247.835.564	18.108.225.778
Cổ tức	184.775.300	272.463.700
Lãi thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.546.692.690	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.395.342.913	1.921.161.392
	27.374.646.467	20.301.850.870

25. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Chi phí lãi vay	887.149.880	1.035.496.985
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.091.638.117	644.067.775
Chi phí tài chính khác	84.127.167	47.003.533
	3.062.915.164	1.726.568.293

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

26. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Thu nhập từ bán phế liệu	521.469.937	282.710.479
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.016.806.718	1.422.902.978
Thu nhập khác	730.629.955	531.659.887
	2.268.906.610	2.237.273.344

27. Chi phí khác

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và xóa sổ	746.716.556	875.806.482
Chi phí khác	1.931.846.436	1.383.673.513
	2.678.562.992	2.259.479.995

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên các khoản mục sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Các khoản dự phòng	2.063.574.358	2.063.574.358
Lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	1.823.082.272	1.721.890.930
	3.886.656.630	3.785.465.288

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	29.958.682.191	22.576.129.282
Dự phòng thiếu trong năm trước	300.022.510	-
	30.258.704.701	22.576.129.282
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	(101.191.342)	4.580.951
	30.157.513.359	22.580.710.233

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	239.516.749.983	189.763.302.933
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	59.879.187.496	47.440.825.733
Chi phí không được khấu trừ thuế	422.338.575	1.983.284.339
Thu nhập không chịu thuế	(46.193.825)	(68.115.925)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(150.000.000)	-
Dự phòng thiếu trong năm trước	300.022.510	-
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(30.247.841.397)	(26.775.283.914)
	30.157.513.359	22.580.710.233

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến năm 2013 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2007 đến năm 2011.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Các công ty con

Ngoại trừ Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT, Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST và Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu, các công ty khác trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG (“In Bao bì DHG”)

Theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, In Bao bì DHG có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của In Bao bì DHG cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2012.

Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT (“Dược phẩm HT”)

Theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Dược phẩm HT có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Dược phẩm HT cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2016.

Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG (“Dược liệu DHG”)

Theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Dược liệu DHG có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Dược liệu DHG cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2013.

Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST (“Dược phẩm ST”)

Theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Dược phẩm ST có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Dược phẩm ST cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2014.

Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu (“Dược Sông Hậu”)

Theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Dược Sông Hậu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2008 đến năm 2019 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Dược Sông Hậu cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2010 đến năm 2014.

Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 25%.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	208.447.551.538	165.753.968.020

(ii) Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	26.902.832	26.653.842
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 3 năm 2010	-	(1.338)
Ảnh hưởng của cổ phiếu tái phát hành tháng 6 năm 2010	-	327
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 4 năm 2011	125.000	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành ngày 30 tháng 6 năm 2011	27.027.832	26.652.831

30. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên của Công ty ngày 29 tháng 4 năm 2011 quyết định chia cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt là 222.403 triệu VNĐ và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1,4 cổ phiếu. Cổ tức chia bằng tiền mặt bao gồm cổ tức giữa niên độ là 26.903 triệu VNĐ (15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 27 tháng 10 năm 2010) và cổ tức cuối năm là 195.500 triệu VNĐ (30% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 22 tháng 7 năm 2011, bao gồm cả cổ phiếu thưởng đã phát hành sau ngày kết thúc niên độ).

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Tập đoàn có quan hệ liên quan với các công ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc và các nhân sự điều hành.

Giao dịch với các công ty liên kết

Ngoài số dư với các công ty liên kết được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên kết:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường		
Mua nguyên vật liệu	410.535.500	563.030.000
Thu nhập cổ tức	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo		
Mua nguyên vật liệu	5.395.000.000	3.599.000.000

Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt là:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	8.426.001.658	2.056.505.232

32. Cam kết mua sắm tài sản

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Tập đoàn có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	460.444.492.309	338.828.702.009
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	103.430.087.523	56.351.141.008
	563.874.579.832	395.179.843.017

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

33. Nợ thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, nợ thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	584.690	53.716
Phải thu thương mại	96.244	-
Phải trả thương mại	(4.197.559)	(147.699)
	(3.516.625)	(93.983)

Tỷ giá chủ yếu được áp dụng trong kỳ như sau:

	Tỷ giá ngoại tệ tại ngày 30/6/2011
USD 1	20.618
EUR 1	30.120

Bảng dưới đây phân tích ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá đến lợi nhuận thuần của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 khi xem xét đến tỷ giá hiện tại và sự biến động của tỷ giá trong quá khứ cũng như dự đoán của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2011:

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần tại ngày 30/6/2011
USD (tăng 8%) – giảm lợi nhuận thuần	(5.220.415.746)
EUR (tăng 8%) – giảm lợi nhuận thuần	(203.815.293)
	(5.424.231.039)

34. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Vào ngày 3 tháng 8 năm 2011, đã xảy ra một vụ nổ tại một trong số phân xưởng sản xuất của Công ty và làm hỏng các dây chuyền sản xuất. Chi phí của việc sửa chữa và thay thế tài sản ước tính là 10 tỷ VNĐ. Các tài sản này đều đã được Công ty mua bảo hiểm cháy nổ.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	591.857.334.735	407.522.560.054
Chi phí nhân công	278.736.651.859	225.596.091.690
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.231.336.590	19.210.384.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.052.770.351	64.023.192.815
Các chi phí khác	38.490.082.383	26.187.941.335

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 31 tháng 8 năm 2011